

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng,
bảo tồn thiên nhiên, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng
và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định về Phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2011 giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 90/2008/TT-BNN ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Thông tư số 70/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 về hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

Căn cứ Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này các mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện thủ tục hành chính, các văn bản hành chính.

1. Các mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Mẫu số 01: Đơn xin chuyển quyền nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ đồi núi tỉnh An Giang.

b) Mẫu số 02: Đơn xin nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ đồi núi tỉnh An Giang.

c) Mẫu số 03: Bản đề nghị thu hái cây thuốc nam.

d) Mẫu số 04: Bảng dự kiến sản phẩm thu hái cây thuốc nam.

đ) Mẫu số 05: Bản đề nghị đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

e) Mẫu số 06: Bảng dự kiến sản phẩm đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

2. Văn bản hành chính:

a) Mẫu số 07: Biên bản giao nhận đất rừng và rừng trồng phòng hộ trên thực địa.

b) Mẫu số 08: Phiếu nhận hồ sơ chuyển khoán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, TT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo, Tin học tỉnh;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG (phổ biến);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thị, TP (để thực hiện);
- UBND các xã, phường, thị trấn (qua email);
- Phòng KT, TH, XD CB, VHXH - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KSTT (2 bản).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huyñh Thế Năng

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng, gây nuôi động vật rừng và quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các thuật ngữ trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

2. Phát triển rừng là việc trồng mới rừng, trồng lại rừng sau khai thác, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng, cải tạo rừng nghèo và việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để tăng diện tích rừng, nâng cao giá trị đa dạng sinh học, khả năng cung cấp lâm sản, khả năng phòng hộ và các giá trị khác của rừng.

3. Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, giao đất để trồng rừng, cho thuê đất để trồng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, công nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng; nhận chuyển nhượng rừng từ chủ rừng khác.

4. Quyền sử dụng rừng là quyền của chủ rừng được khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ rừng; được cho thuê quyền sử dụng rừng thông qua hợp đồng theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và pháp luật dân sự.

5. Đăng ký quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng là việc chủ rừng đăng ký để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

6. Rừng phòng hộ được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng phòng hộ bảo vệ môi trường.

7. Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường; bao gồm: Vườn quốc gia; Khu bảo tồn thiên nhiên gồm khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài, sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan gồm: khu rừng di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học.

8. Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: Rừng sản xuất là rừng tự nhiên; Rừng sản xuất là rừng trồng; Rừng giống gồm rừng trồng và rừng tự nhiên qua bình tuyển, công nhận.

9. Chuyển khoán rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất: là chuyển quyền nhận khoán từ hộ cũ sang hộ mới trong diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, được sự cho phép của Chi cục Kiểm lâm và xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, thị trấn) để hộ mới tiếp tục chăm sóc, bảo vệ rừng trong thời gian nhận khoán.

10. Hộ nhận khoán: là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự nguyện xin nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng lâu dài; trên cơ sở khả năng đồng vốn, phương tiện sản xuất hiện có và lao động của hộ nhận khoán.

11. Lâm sản là sản phẩm khai thác từ thực vật, động vật, vi sinh vật và các bộ phận của chúng có nguồn gốc từ rừng.

12. Cây trồng chính để trồng rừng phòng hộ: là cây trồng có bộ rễ sâu, có khả năng chống xói mòn, chống thoái hóa đất đai, phủ xanh tốt môi trường, có chu kỳ sinh trưởng dài và sống lâu năm.

13. Cây phụ trợ: là cây trồng với cây trồng chính trong một thời gian nhất định có tác dụng thúc đẩy cây trồng chính sinh trưởng, phát triển tốt hơn.

14. Chặt bỏ cây phẩm chất xấu: là chặt những cây cong queo, sâu bệnh.

Chương II

QUẢN LÝ RỪNG, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Mục 1

QUẢN LÝ RỪNG

Điều 3. Phân cấp quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, sử dụng rừng và sử dụng đất lâm nghiệp

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Chi cục Kiểm lâm được giao tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, thực thi pháp luật về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sử dụng rừng, gây nuôi động, thực vật rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thống nhất quản lý đất lâm nghiệp quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng rừng, gây nuôi động, thực vật rừng tại địa phương theo thẩm quyền.

4. Chủ rừng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn sử dụng rừng theo quy định này và các quy định khác của pháp luật, không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của chủ rừng khác.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao rừng, thuê rừng, giao đất trồng rừng và nhận khoán đất để trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phải bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả tài nguyên rừng; kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng, làm giàu rừng với bảo vệ diện tích rừng hiện có.

Mục 2

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ và phát triển rừng

1. Bảo vệ rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng phải bảo đảm nguyên tắc quản lý rừng bền vững; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả tài nguyên rừng; kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng, làm giàu rừng với bảo vệ diện tích rừng hiện có; kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và ngư nghiệp; đẩy mạnh trồng rừng kinh tế gắn với phát triển công nghiệp chế biến lâm sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

2. Việc bảo vệ và phát triển rừng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Việc giao, cho thuê, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng và đất phải tuân theo các quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm ổn định lâu dài theo hướng xã hội hoá nghề rừng.

3. Bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước với chủ rừng; giữa lợi ích kinh tế của rừng với lợi ích phòng hộ, bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên; giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài; bảo đảm cho người làm nghề rừng sống chủ yếu bằng nghề rừng.

4. Chủ rừng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn sử dụng rừng theo quy định này và các quy định khác của pháp luật, không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của chủ rừng khác.

Điều 5. Bảo vệ rừng

Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao rừng, nhận khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng như sau:

1. Khi hoạt động trong rừng, ven rừng có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ rừng; thông báo kịp thời cho cơ quan kiểm lâm, chính quyền địa phương hoặc chủ rừng về tình hình cháy rừng và các hoạt động chặt phá, lấn chiếm đất rừng trái phép.

2. Nếu có diện tích từ 10 ha trở lên phải xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng. Khi đốt phát dọn đường ranh cản lửa phải báo trước cho kiểm lâm hoặc chính quyền địa phương để được hướng dẫn, hỗ trợ trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 6. Phát triển rừng

1. Nguyên tắc phát triển rừng, sử dụng rừng phòng hộ:

a) Rừng phòng hộ đầu nguồn phải được xây dựng thành rừng tập trung, liền vùng, nhiều tầng.

b) Rừng phòng hộ chắn gió, chắn sóng, bảo vệ môi trường phải được xây dựng thành các đai rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng địa phương.

c) Việc kết hợp sản xuất lâm nghiệp - nông nghiệp - ngư nghiệp, kinh doanh, cảnh quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường, khai thác lâm sản và các lợi ích khác của rừng phòng hộ phải tuân theo quy định này và các quy định có liên quan.

2. Quản lý việc phát triển rừng:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát Quy hoạch, tổ chức triển khai trồng rừng các loài cây giá trị kinh tế cao, có khả năng phòng hộ tốt, cây bản địa và cây ăn quả có chức năng phòng hộ.

b) Xây dựng và nâng cấp các vườn ươm, các khu rừng giống, nhằm cung cấp cây giống có chất lượng phục vụ công tác trồng rừng tập trung và trồng cây lâm nghiệp phân tán.

c) Lập danh mục các loài cây trồng rừng tập trung và cây trồng phân tán.

Mục 3

BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Điều 7. Bảo tồn thiên nhiên

Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo tồn hệ sinh thái rừng, các loài cây cổ thụ, cây quý hiếm, danh mục bảo tồn gen các loài động, thực vật và đề xuất xây dựng các khu bảo tồn thực vật, động vật rừng.

Điều 8. Thủ tục chứng nhận trại nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.

1. Quy định chung: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây nuôi động vật rừng, phải đăng ký với cơ quan Kiểm lâm, thực hiện đúng các tiêu chuẩn về chuồng trại, nguồn gốc con giống, trình tự, thủ tục, điều kiện gây nuôi sinh sản, sinh trưởng.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.

3. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Chuồng, trại nuôi phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại.

b) Bảo đảm an toàn cho người nuôi và người dân trong vùng; an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường theo quy định.

c) Có nguồn gốc vật nuôi rõ ràng.

d) Trường hợp động vật rừng có nguồn gốc nhập khẩu (không phân bố tại Việt Nam) phải có xác nhận bằng văn bản của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam là việc nuôi loài đó không ảnh hưởng tới các loài động vật khác và hệ sinh thái trong nước.

Điều 9. Thủ tục vận chuyển động vật rừng được gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng.

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân, xuất trình và nộp hồ sơ tại Hạt Kiểm lâm hoặc Chi cục Kiểm lâm.

b) Cán bộ thụ lý hồ sơ xem xét các loại hồ sơ chứng từ đúng theo quy định.

Nếu hồ sơ chứng từ đã phù hợp theo quy định thì ký tên xác nhận đã kiểm tra và trình Hạt Kiểm lâm hoặc Chi cục trưởng ký cấp giấy xác nhận nguồn gốc hợp pháp cho phép vận chuyển.

Nếu hồ sơ chứng từ chưa hợp lệ thì trả lại hồ sơ và hướng dẫn thực hiện.

c) Tổ chức, cá nhân, nhận hồ sơ xác nhận tại Hạt Kiểm lâm hoặc Chi cục Kiểm lâm.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nộp 02 bộ hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

a) Đối với cá nhân, hộ gia đình, bao gồm:

Bảng kê lâm sản do hộ gia đình, cá nhân lập (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản) có xác nhận của Hạt Kiểm lâm hoặc Chi cục Kiểm lâm.

b) Đối với tổ chức, bao gồm:

Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

Bảng kê lâm sản do tổ chức lập (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT) có xác nhận của Hạt Kiểm lâm hoặc Chi cục Kiểm lâm.

3. Thời hạn giải quyết: Trong ngày (không tính thời gian xác minh hoặc bổ sung hồ sơ).

Điều 10. Xử lý động vật rừng do vi phạm pháp luật

1. Thả động vật rừng vào nơi cư trú tự nhiên:

a) Phải thực hiện đúng quy định của pháp luật.

b) Trước khi thả phải có xác nhận của cơ quan thú y xác nhận không mang mầm bệnh và hoàn toàn khỏe mạnh.

c) Cơ quan Kiểm lâm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan chủ rừng, chính quyền địa phương cấp xã nơi thả. Khi thả lại nơi cư trú tự nhiên phải lập biên bản ghi rõ thành phần tham gia, người chứng kiến (nếu có), địa điểm thả, số lượng cá thể từng loài.

2. Những cá thể bị thương, ốm yếu cần cứu hộ thì chuyển giao cho các Trung tâm cứu hộ động vật rừng.

3. Tiêu hủy động vật rừng:

Những cá thể mang mầm bệnh, chết thì tiến hành ngay việc tiêu hủy, tang vật tiêu hủy phải được lập biên bản ghi rõ thành phần Hội đồng tham gia gồm: Cơ quan Kiểm lâm, cơ quan Thú y, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiêu hủy, người chứng kiến (nếu có), địa điểm tiêu hủy, số lượng từng loài tang vật, có chữ ký của các thành viên Hội đồng xử lý.

Chương III

SỬ DỤNG RỪNG VÀ QUẢN LÝ ĐẤT LÂM NGHIỆP

Mục 1

SỬ DỤNG RỪNG

Điều 11. Quy định quản lý, sử dụng rừng đặc dụng

1. Đối tượng: Quy định này áp dụng cho các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Cải tạo rừng: Được tác động, điều chỉnh, chặt bỏ cây phẩm chất xấu, tạo mật độ hợp lý để nuôi dưỡng rừng và tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác để nâng cao giá trị của khu rừng.

3. Thẩm quyền cho phép sử dụng:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế và cấp phép sử dụng hợp lý tài nguyên rừng đối với các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập trong khu rừng đặc dụng phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép.

c) Suu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng trong khu rừng đặc dụng thực hiện theo quy định sau đây:

Phải làm rõ loài, số lượng mẫu vật, gen suu tầm và thời gian suu tầm.

Việc suu tầm mẫu vật, nguồn gen phải được sự đồng ý bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn, quản lý, giám sát của Chi cục Kiểm lâm.

4. Việc đầu tư du lịch sinh thái tại các khu rừng đặc dụng phải lập thành Dự án đầu tư được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 12. Quy định sử dụng rừng phòng hộ

1. Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng trồng: Được chặt bỏ cây phẩm chất xấu, tỉa thưa cây trồng xen, cây phụ trợ; tận thu, tận dụng gỗ cây bị chết, đổ ngã.

2. Thẩm quyền cho phép: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thiết kế và cấp phép.

Điều 13. Thủ tục sử dụng rừng sản xuất

1. Đối tượng thực hiện: Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng nguồn vốn do chủ rừng tự đầu tư.

2. Trình tự thực hiện:

a) Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc qua đường bưu điện gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ:

Nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì viết giấy biên nhận hồ sơ.

Nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Tổ chức, cá nhân: nhận văn bản trả lời tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nộp 01 bộ hồ sơ gồm các loại giấy tờ sau:

a) Bản đăng ký khai thác (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ).

b) Bảng dự kiến sản phẩm khai thác (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT).

4. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận khai thác theo đăng ký.

5. Quy định chung về sử dụng rừng sản xuất:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai việc hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính này cho chủ rừng là tổ chức và hộ gia đình.

b) Trách nhiệm của chủ rừng: Thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình khai thác, chặt đúng số lượng cây; địa điểm, diện tích; thời hạn khai thác.

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm lâm: Kiểm tra giám sát việc khai thác rừng của các chủ rừng, đơn vị khai thác, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quy định về khai thác lâm sản đối với tổ chức và cá nhân để kịp thời xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 14. Quy định việc sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 33 và Điều 42 Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Không sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp đối với vùng đất xung yếu hoặc những nơi có độ dốc trên 30 độ.

c) Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Khuyến nông hướng dẫn các mô hình sản xuất nông ngư kết hợp trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Các mô hình sản xuất nông ngư kết hợp là các mô hình canh tác bền vững trên đất dốc ở vùng đồi núi, hoặc các mô hình canh tác tổng hợp ở vùng rừng tràm đồng bằng. Chủ rừng khi canh tác không gây xói lở đất, thoái hoá đất, không gây tình trạng sa mạc hoá.

d) Các chủ rừng thực hiện sản xuất nông ngư kết hợp được hưởng toàn bộ thành quả từ quá trình sản xuất và có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản lý, bảo vệ rừng.

đ) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất lâm nghiệp để trồng rừng, phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và sử dụng đất đúng mục đích được giao.

Điều 15. Trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, trong việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án trồng cây lâm nghiệp phân tán các đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Chi cục Kiểm lâm:

a) Tổng hợp kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); trên cơ sở đó, đề cân đối gieo tạo giống cây trồng giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

b) Cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng các loài cây lâm nghiệp trồng phân tán cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tuyên truyền và phổ biến đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã, phường, thị trấn thực hiện.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế thị xã, thành phố lập kế hoạch thực hiện trồng cây hàng năm, tổng hợp nhu cầu số lượng cây giống, gửi báo cáo về Chi cục Kiểm lâm để đăng ký; quản lý số liệu, hồ sơ thực hiện trong phạm vi huyện, xã.

b) Kế hoạch trồng cây hàng năm: xác định đất đưa vào trồng cây phải ổn định thời gian thấp nhất 04 năm phù hợp với chu kỳ nạo vét kênh không bị tác động để bố trí loài cây trồng phù hợp, tận dụng được sản phẩm thu hoạch.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động giáo dục sâu rộng cho quần chúng nhân dân hiểu được lợi ích việc trồng cây xanh bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống con người, tích cực tham gia trồng cây.

d) Hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cân đối vốn ngân sách để trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn huyện. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, tự bỏ vốn đầu tư trồng cây.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức triển khai cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia đăng ký trồng, chăm sóc, bảo vệ cây, địa điểm, thời gian và loài cây trồng.

b) Kiểm tra, giám sát việc trồng cây đúng kỹ thuật, tiến độ kế hoạch. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện kế hoạch, tỷ lệ cây sống và chất lượng cây trồng theo quy định. Quản lý số liệu, hồ sơ trong phạm vi địa bàn xã.

c) Kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán phải được công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, các khóm, ấp và thông báo đến từng tổ chức, cá nhân và hộ gia đình biết thực hiện.

Điều 16. Quản lý nguồn giống, giá cây giống đối với cây lâm nghiệp phân tán

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, quản lý nguồn giống và sản xuất giống cây lâm nghiệp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được phép sản xuất, cung cấp nguồn giống (cây giống, hạt giống, vật liệu giống) đối với các loài cây trồng chính trong danh mục công bố theo quy định tại Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

2. Công khai nguồn giống: hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố bằng văn bản các cơ sở sản xuất giống đạt chất lượng và nguồn giống trên địa bàn.

3. Quản lý giá giống: Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, phê duyệt và công bố giá giống trồng rừng, trồng cây lâm nghiệp phân tán khi có biến động về giá cây giống trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Chính sách trồng, hưởng lợi cây trồng lâm nghiệp phân tán bằng nguồn vốn do nhà nước hỗ trợ

1. Các loài cây mọc nhanh như: bạch đàn, keo lá tràm, tràm nước, đến chu kỳ khai thác; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận trồng, chăm sóc, bảo vệ được hưởng 100% sản phẩm khai thác, trước khi khai thác phải làm bản đăng ký khai thác trình Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có lâm sản khai thác xem xét giải quyết.

2. Đối với các loài cây như: sao, dầu, giáng hương, căm xe, bạch đàn, keo lá tràm trồng ở nơi xung yếu, trục lộ giao thông, các cơ quan, trường học và bờ kênh đê cấp I, II phải giữ lại để bảo vệ các công trình hạ tầng và môi trường cảnh quan.

Điều 18. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (hộ nhận khoán) để trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ nhận khoán chỉ thực hiện trong thời gian được giao khoán.

1. Hộ nhận khoán có các quyền sau đây:

a) Được chặt bỏ cây phẩm chất xấu; tận thu, tận dụng gỗ cây bị chết, đổ ngã; tỉa thưa cây phụ trợ khi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép.

b) Được chuyển khoán trong thời gian nhận khoán rừng.

c) Được hướng dẫn về kỹ thuật đối với các hoạt động lâm sinh, khuyến lâm, hỗ trợ vốn vay theo chính sách của Nhà nước.

c) Được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ rừng và phát triển rừng khi Nhà nước có Quyết định thu hồi rừng.

2. Hộ nhận khoán có các nghĩa vụ sau đây:

a) Quản lý, bảo vệ diện tích được giao đúng mục đích, đúng ranh giới, đóng góp công sức của mình vào việc bảo vệ và phát triển rừng.

b) Giao lại diện tích rừng nhận khoán cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hộ nhận khoán có trách nhiệm:

a) Tự tổ chức quản lý, bảo vệ rừng; không để rừng bị cháy, chặt phá, khai thác lâm sản trái phép; không để bị lấn chiếm đất rừng và rừng được nhận khoán; tuân thủ Quy ước bảo vệ rừng của khóm, ấp.

b) Trong thời gian được giao khoán rừng, nếu để rừng bị thiệt hại thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm bồi thường những giá trị thiệt hại gây ra hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Khi xảy ra các vụ vi phạm pháp luật như bị đối tượng bên ngoài chặt phá rừng, gây cháy rừng đến khu rừng mình nhận khoán mà không giải quyết được hoặc vượt quá trách nhiệm quản lý thì phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Kiểm lâm, Trạm Kiểm lâm nơi có rừng được giao để có biện pháp xử lý.

Điều 19. Thủ tục khai thác gỗ rừng trồng trong vườn nhà, trang trại và cây gỗ trồng phân tán

1. Đối tượng thực hiện: Việc thực hiện thủ tục “Khai thác gỗ rừng trồng trong vườn nhà, trang trại và cây gỗ trồng phân tán” được thực hiện theo Quyết định số 2541/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2. Trình tự thực hiện:

a) Các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc qua đường bưu điện gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ.

Nếu hồ sơ đạt yêu cầu thì viết giấy biên nhận.

Nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu đề nghị bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Tổ chức, cá nhân: nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thành phần và số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Bản đăng ký khai thác (theo phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ).

Bảng dự kiến sản phẩm khai thác (theo phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung theo quy định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận khai thác theo đăng ký và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

Điều 20. Thủ tục thu hái cây thuốc nam

1. Quy định chung: Các cơ sở từ thiện, đền, chùa, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thu hái thuốc nam, thực hiện theo quy định sau:

a) Chỉ sử dụng thân, cành, lá (không được bứng gốc):

b) Thời gian giải quyết cho thu hái thuốc nam từ tháng 6 đến tháng 9 hàng năm, quy định khu vực cho thu hái thuốc phải được luân chuyển để bảo đảm cây thuốc nam không bị tuyệt chủng.

c) Đối với khu vực rừng khoanh nuôi thì không cấp phép thu hái thuốc nam để bảo tồn nguồn gen quý hiếm.

2. Trình tự thực hiện:

a) Đại diện các cơ sở từ thiện, đền, chùa, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thu hái cây thuốc nam trên đồi núi đến nộp hồ sơ tại Trạm Kiểm lâm.

b) Trạm Kiểm lâm kiểm tra hồ sơ, lập phiếu hẹn:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Trạm Kiểm lâm tiến hành xác minh thực tế, xác nhận đơn.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho người nộp hồ sơ biết để hoàn chỉnh lại hồ sơ.

c) Trạm Kiểm lâm chuyển hồ sơ thu hái thuốc nam đến Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Đại diện các cơ sở từ thiện, đền, chùa, hộ gia đình, cá nhân đến nhận kết quả tại Trạm Kiểm lâm.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Bản đề nghị thu hái cây thuốc nam (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2012/QĐ-UBND).

Bảng dự kiến sản phẩm thu hái cây thuốc nam (theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

Điều 21. Quản lý việc đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Quy định chung:

a) Việc đào bứng để sử dụng đối với những cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, ở ngoài khu vực diện tích quy hoạch là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc các địa phương vùng núi và những cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ, tại các địa phương vùng đồng bằng, phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thủ tục thực hiện việc xác nhận này thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

b) Việc vận chuyển, cất giữ, kinh doanh cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc từ vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán phải thực hiện theo Quyết định 39/2012/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

c) Việc quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ được thực hiện theo Quyết định 39/2012/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân có nhu cầu đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cán bộ Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ, lập phiếu hẹn.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo cho người nộp hồ sơ biết để hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Nếu hồ sơ hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển hồ sơ cho kiểm lâm địa bàn hoặc Kỹ thuật viên nông nghiệp xã (đối với các địa phương không có kiểm lâm) tiến hành xác minh thực tế, xác nhận đơn.

c) Cá nhân đến nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Bản đề nghị đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND).

Bảng dự kiến sản phẩm đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

5. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ được đào bứng phải ngoài khu vực diện tích quy hoạch là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Mục 2 **QUẢN LÝ ĐẤT LÂM NGHIỆP**

Điều 22. Thủ tục giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp

1. Trình tự, thủ tục giao rừng, thuê rừng và lập hồ sơ giao rừng, thuê rừng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nông thôn và quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 11 của Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-TNMT ngày 29 tháng 11 năm 2011 về hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận và lập hồ sơ địa chính đối với đất lâm nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định tại Điều 6, Điều 8 của Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-TNMT. Riêng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao đất, thuê đất lâm nghiệp được thay bằng mẫu văn bản áp dụng trong việc thực hiện thủ tục về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp quy định tại Điều 11 của Thông tư liên tịch số 07/2011/TTLT-BNNPTNT-TNMT.

Điều 23. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng

Thực hiện theo Điều 19 (đối với Tổ chức) hoặc Điều 25 (đối với cá nhân) Quy định ban hành theo Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và đăng ký biến động sau khi cấp giấy trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 24. Thủ tục về chuyển khoán rừng phòng hộ

1. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân (chuyển khoán hoặc nhận khoán) có nhu cầu chuyển khoán rừng phòng hộ nộp hồ sơ trực tiếp tại Trạm Kiểm lâm.

b) Trạm Kiểm lâm kiểm tra hồ sơ, lập phiếu hẹn. Sau đó, tiến hành đo đạc phần diện tích yêu cầu chuyển khoán, xác minh thực tế. Trường hợp không đủ điều kiện (hoặc thiếu hồ sơ) thì thông báo cho người nộp hồ sơ biết để hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Trạm Kiểm lâm chuyển đơn xin chuyển khoán rừng phòng hộ đến Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào đơn xin chuyển khoán, Trạm Kiểm lâm chuyển hồ sơ cho Hạt Kiểm lâm.

đ) Hạt Kiểm lâm kiểm tra, mở sổ theo dõi, xác nhận và làm tờ trình gửi về Phòng Quản lý và Phát triển rừng - Chi cục Kiểm lâm.

e) Phòng Quản lý và Phát triển rừng - Chi cục Kiểm lâm: kiểm tra, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm ký phê duyệt.

g) Sau khi đơn xin chuyển khoán được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt, các bên tiến hành lập biên bản bàn giao rừng ngoài thực địa giữa chủ cũ và chủ mới (Thành phần gồm: Hạt Kiểm lâm, Trạm Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ cũ, chủ mới).

h) Trạm Kiểm lâm lập hồ sơ giao khoán cho chủ rừng mới, chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Kiểm lâm xác nhận, Hạt Kiểm lâm trình Chi cục Kiểm lâm ký kết hợp đồng giao khoán với chủ mới.

i) Sau khi Chi cục Kiểm lâm đã ký hồ sơ giao khoán, Hạt Kiểm lâm tiếp nhận 02 bộ hồ sơ hoàn chỉnh: lưu 01 bộ tại văn phòng Hạt Kiểm lâm và 01 bộ chuyển cho Trạm Kiểm lâm giao hộ nhận khoán.

k) Hạt Kiểm lâm huyện có trách nhiệm thu hồi sổ đã giao khoán cũ đưa vào lưu trữ tại văn phòng Hạt.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần bao gồm:

Đơn xin chuyển quyền nhận khoán rừng (mẫu số 1 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND);

Đơn xin nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ tỉnh An Giang của hộ nhận khoán (mẫu số 2 ban hành kèm theo Quyết định số /2012/QĐ-UBND);

Hợp đồng giao nhận trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ tỉnh An Giang giữa Chi cục Kiểm lâm và hộ nhận khoán mới;

Biên bản bàn giao giữa Chi cục Kiểm lâm và hộ nhận khoán mới (theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND);

Sơ đồ giải thửa lô rừng;

Giấy chứng minh nhân dân (bản photo - hộ nhận khoán);

Hộ khẩu thường trú (bản photo - hộ nhận khoán);

Phương án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

b) Số lượng: 02 bộ.

3. Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc. Trong đó, Trạm Kiểm lâm: 10 ngày; Ủy ban nhân dân cấp xã: 05 ngày; Hạt Kiểm lâm: 10 ngày; Phòng Quản lý và phát triển rừng kiểm tra, trình ký: 07 ngày; Chi cục Kiểm lâm phê duyệt hồ sơ: 03 ngày.

4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Hộ nhận chuyển khoán phải có phương án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

b) Trường hợp nhận khoán với diện tích dưới 10 ha thì phương án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phải được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt.

c) Trường hợp nhận khoán với diện tích từ 10 ha thì phương án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phải được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

5. Quy định về chuyển khoán rừng phòng hộ đồi núi:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển khoán rừng phòng hộ đồi núi, phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Người chuyển quyền nhận khoán và người nhận chuyển quyền nhận khoán tiến hành làm đơn theo mẫu quy định.

b) Trạm Kiểm lâm có trách nhiệm phối hợp kỹ thuật viên lâm nghiệp xã kiểm tra hiện trường, lập biên bản giao, nhận rừng và đất lâm nghiệp giữa hộ cũ, hộ mới có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý diện tích rừng của hộ nhận chuyển khoán và Hạt Kiểm lâm huyện.

c) Hạt Kiểm lâm huyện có trách nhiệm thu hồi sổ đã giao khoán cũ, lập sổ giao khoán mới trình Chi cục Kiểm lâm ký hợp đồng giao khoán. Hạt Kiểm lâm nhận và chuyển Trạm Kiểm lâm trả kết quả cho hộ nhận chuyển khoán.

d) Người chuyển khoán rừng phải làm cam kết với ngành kiểm lâm và chính quyền địa phương là không vi phạm về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa

cháy rừng, tuyệt đối không được làm thay đổi cảnh quan tự nhiên của khu rừng, không được làm thay đổi đến môi trường sống của các loài động vật.

Điều 25. Quy định đầu tư, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng trong rừng phòng hộ, đặc dụng

Các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đầu tư các dự án phục vụ dân sinh, kinh tế và du lịch trong diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Trước khi được cấp phép đầu tư và xây dựng công trình, phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời khi thực hiện dự án phải phối hợp với Chi cục Kiểm lâm để cắm mốc ranh giới khu đất ngoài thực địa và trên bản đồ.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: được giao đất trồng rừng sản xuất; nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng; trồng cây lâm nghiệp phân tán; có hành vi vi phạm quy định này hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan thì tùy tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao đất trồng rừng sử dụng đất sai mục đích hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất khi chưa được phép của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nếu vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, trong thời gian chưa chấp hành quyết định xử phạt thì không được chuyển quyền sử dụng đất, những hộ cố tình vi phạm sẽ xử lý thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giám sát việc khai thác, tía thưa rừng của các chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quy định về khai thác, vận chuyển, kinh doanh, mua bán lâm sản và động vật rừng trái phép đối với tổ chức và cá nhân, hộ gia đình để kịp thời xử lý theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện và tổ chức sơ kết đánh giá quá trình thực hiện các văn bản có liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng.

4. Xây dựng lịch kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng, thực hiện dự báo cháy rừng. Theo dõi quá trình thực hiện Quy ước bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách hàng năm; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2. Sở Tài chính bố trí vốn sự nghiệp thuộc ngân sách để thực hiện các hoạt động lâm nghiệp; hướng dẫn các đơn vị sử dụng vốn thực hiện đúng các quy định về tài chính hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương tiến hành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch sử dụng đất tại địa phương và quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Lực lượng Công an, Quân sự, Kiểm lâm, Quản lý thị trường, Hải quan, Biên phòng và chính quyền địa phương các cấp phải có kế hoạch phối kết hợp chặt chẽ, cương quyết triệt phá các đối tượng chặt phá rừng, mua bán vận chuyển lâm sản và động vật rừng trái phép. Hàng năm xây dựng kế hoạch diễn tập chữa cháy rừng và hướng dẫn nghiệp vụ về quy trình và biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết các khu du lịch nằm trong diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp là rừng phòng hộ.

6. Sở Xây Dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc cấp phép các dự án đầu tư xây dựng trong diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp là rừng phòng hộ.

7. Đài Phát thanh Truyền hình An Giang, Báo An giang: đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nhân dân nâng cao hiểu biết và chấp hành pháp luật về công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các xã triển khai thực hiện công tác trồng rừng tập trung, trồng cây lâm nghiệp phân tán và bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy định này.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huỳnh Thế Năng

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày tháng năm 20....

**ĐƠN XIN CHUYỂN QUYỀN NHẬN KHOẢN TRỒNG,
CHĂM SÓC, BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ ĐỒI NÚI TỈNH AN GIANG**

Kính gửi:

Tên tổ chức/ cá nhân:,.....

Địa chỉ: Ấp (khóm):.....xã (phường, thị trấn):huyện
(thị xã, thành phố) : tỉnh:

Được Chi cục Kiểm lâm tỉnh An Giang giao khoán trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng:

Tại khu vực xã:, huyện:,núi:....., tiểu khu:....., khoảnh:....., lô:....., diện tích:..... (ha)

+ Rừng trồng bước 1 theo hợp đồng số:, ngày:/...../.....

Loài cây:....., Công thức kỹ thuật:.....

+ Rừng trồng bước 2 theo hợp đồng số:, ngày:/...../.....

Loài cây:, Công thức kỹ thuật:.....

Lý do chuyển quyền nhận khoán:

.....
.....
.....
.....
.....

Xin được chuyển quyền nhận khoán trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng cho:

1. Tên tổ chức/ cá nhân:,.....

Địa chỉ: Ấp (khóm):xã (phường, thị trấn):huyện
(thị xã, thành phố) : tỉnh:

Diện tích: ha.

* Diện tích còn lại: ha

Sau khi được chấp thuận của Chi cục Kiểm lâm, chúng tôi cam kết thực hiện đúng theo quy định của nhà nước về trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng, nếu vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bên chuyển nhượng

Bên nhận chuyển nhượng

Kiểm lâm địa bàn xã

UBND xã

Hạt KL
Hạt trưởng

Chi cục Kiểm lâm An Giang

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 20....

**ĐƠN XIN NHẬN KHOẢN TRỒNG, CHĂM SÓC,
BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ ĐỒI NÚI TỈNH AN GIANG**

Kính gửi:

Tên tổ chức/ cá nhân:,.....

Địa chỉ: Ấp (khóm): xã (phường, thị trấn): huyện (thị xã, thành phố) : tỉnh:

Địa điểm khu đất nhận chuyển khoán xã:, huyện

Diện tích:..... (ha)

Sau khi tìm hiểu về chủ trương chính sách giao khoán trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng phòng hộ và được Chi cục Kiểm lâm An Giang hướng dẫn, trao đổi cụ thể về điều kiện, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người nhận khoán trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng phòng hộ.

Nay, chúng tôi tự nguyện làm đơn xin nhận khoán trồng , chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ lâu dài trên cơ sở khả năng nguồn lao động, phương tiện sản xuất và đồng vốn đầu tư đối với diện tích được giao khoán.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những điều quy định trong hợp đồng và sự hướng dẫn về chuyên môn của Chi cục Kiểm lâm nếu vi phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Đại diện tổ chức/cá nhân/hộ gia đình

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày..... tháng..... năm 20...

BẢN ĐỀ NGHỊ

Thu hái cây thuốc nam

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/ cá nhân:
2. Địa chỉ :
3. Đề nghị thu hái thuốc nam:
 - Địa điểm:
 - Số lượng:.....
 - Loài cây:
 - Mục đích sử dụng:
5. Nguồn gốc cây xin thu hái (cây tự nhiên hay cây tự trồng):
6. Thời gian dự kiến thu hái : Từ.....đến.....
7. Thời gian dự kiến vận chuyển: Từ.....đến.....
 - Nơi đi:.....ấp..... xãhuyện..... tỉnh.....
 - Nơi đến:.....ấp..... xãhuyện..... tỉnh.....

Đại diện tổ chức/cá nhân/hộ gia đình

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20...

BẢNG DỰ KIẾN

Sản phẩm thu hái cây thuốc nam

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:.....

Địa chỉ

Nơi thu hái (xã, huyện, tỉnh):.....

Nguồn gốc cây xin thu hái (cây tự nhiên hay cây tự trồng):

Thời gian thu hái: từ/...../20....., đến/...../20....

Thời gian vận chuyển: từ/...../20....., đến/...../20....

Nơi vận chuyển đến:.....

Dự kiến sản phẩm:

Số TT	Tên lâm sản	Bộ phận thu hái	Đơn vị tính	Số lượng / (trọng lượng)	Ghi chú
1					
2					
3					

Tổng cộng:.....

(bằng chữ.....)

Xác nhận UBND xã....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kiểm lâm địa bàn

(ký ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ chức/cá nhân/hộ gia đình

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày..... tháng..... năm 20...

BẢN ĐỀ NGHỊ

Đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/ cá nhân:
2. Địa chỉ :
3. Đề nghị đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ :
 - Địa điểm:
 - Số lượng: cây.
 - Loài cây:
 - Mục đích sử dụng:
5. Nguồn gốc cây (cây tự nhiên hay cây tự trồng):
6. Thời gian đào bứng: Từ.....đến.....
7. Thời gian vận chuyển: Từ ngày.....đến.....
 - Nơi đi:.....ấp..... xã huyện..... tỉnh.....
 - Nơi đến:.....ấp..... xã huyện..... tỉnh.....
 - Phương tiện vận chuyển:.....

Đại diện tổ chức/cá nhân/hộ gia đình

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm 20...

BẢNG DỰ KIẾN

Sản phẩm đào bứng cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ

Địa danh (xã, huyện, tỉnh):

Thời gian đào bứng: từ/.....20....., đến/...../20.....

Thời gian vận chuyển: từ/.....20....., đến/...../20.....

Nơi vận chuyển đến:

Dự kiến sản phẩm:

Số TT	Tên lâm sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1					
2					
3					

Tổng cộng:

(bằng chữ))

Xác nhận UBND xã....
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Kiểm lâm địa bàn
(Hoặc kỹ thuật viên NN)
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ chức/ cá nhân/hộ gia đình
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN

V/v giao nhận đất rừng và rừng trồng phòng hộ trên thực địa

Căn cứ vào đơn xin chuyển quyền nhận khoán trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng phòng hộ đồi núi đã được Chi cục Kiểm lâm tỉnh An Giang phê duyệt ngày:/...../ 20.....

Hôm nay, ngày tháng năm 20, tại:

Chúng tôi gồm có:

A./ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Ông: Chức vụ:

B./ Đại diện Hạt Kiểm lâm:

- Ông: Chức vụ:

- Ông: Chức vụ:

C./ Bên chuyển khoán (hộ cũ):

Chủ hộ:

D./ Bên nhận khoán (hộ mới):

Chủ hộ:

Thông nhất giao rừng ngoài thực địa cho:

- Ông (bà):, sinh năm:,
chứng minh nhân dân số:, cấp ngày:/...../.....,
tại:

- Ấp (khóm):, xã (phường, thị trấn) :, huyện (thị xã, thành phố):, tỉnh:..... như sau:

1. Tiểu khu:, khoảnh:, lô:, diện tích: (ha),
loài cây (b1/b2):, Công thức kỹ thuật (b1/b2):

+ Năm trồng (b1/b2):

+ Mật độ cây theo hợp đồng (b1/b2):(cây/ha)

+ Mật độ cây hiện còn (b1/b2): (cây/ha)

- + Đường kính bình quân (b1/b2):
- + Chiều cao bình quân (b1/b2):
2. Tiểu khu:, khoảnh:, lô:, diện tích: (ha),
 loài cây (b1/b2):, Công thức kỹ thuật (b1/b2):
- + Năm trồng (b1/b2):
- + Mật độ cây theo hợp đồng (b1/b2):(cây/ha)
- + Mật độ cây hiện còn (b1/b2):(cây/ha)
- + Đường kính bình quân (b1/b2):
- + Chiều cao bình quân (b1/b2):
3. Tiểu khu:, khoảnh:, lô:, diện tích: (ha),
 loài cây (b1/b2):, Công thức kỹ thuật (b1/b2):
- + Năm trồng (b1/b2):
- + Mật độ cây theo hợp đồng (b1/b2):(cây/ha)
- + Mật độ cây hiện còn (b1/b2):(cây/ha)
- + Đường kính bình quân (b1/b2):
- + Chiều cao bình quân (b1/b2):

Biên bản này được lập thành 03 bản, bên chuyển khoán giữ 01 bản, bên nhận giữ 01 bản đính kèm theo hợp đồng khoán, Hạt kiểm lâm: giữ 01 bản đính kèm theo hợp đồng giao khoán.

Bên giao

Bên nhận

Trạm Kiểm lâm

UBND xã

Hạt Kiểm lâm
HẠT TRƯỞNG

Mẫu số 08

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

HẠT KIỂM LÂM.....
TRẠM KIỂM LÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HSC.KL

PHIẾU NHẬN HỒ SƠ CHUYỂN KHOẢN

- Họ tên người giao hồ sơ:
- Hồ sơ:

TT	Hồ sơ nhận	Số lượng	Ghi chú
I.	Hồ sơ xin chuyển khoản		
1	Đơn xin chuyển quyền nhận khoán		
2	Hồ sơ trồng - chăm sóc - bảo vệ rừng (cũ)		
3	Giấy chứng minh nhân dân		
4	Hộ khẩu thường trú:		
III	Các văn bản khác có liên quan		
1			
2			
3			
.....			
.....			

An Giang, ngày tháng năm 20.....

Bên giao

Bên nhận

